

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Đồng

ST T	Tên đơn vị	Dự toán						Quyết toán						So sánh (%)					
		Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu			
				Tổng số	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			Tổng số	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			Tổng số	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
	TỔNG SỐ	5.229.081.000.000	4.065.644.000.000	1.163.437.000.000		408.654.000.000	754.783.000.000	6.287.001.199.758	4.001.227.429.682	2.285.773.770.076	3.641.707.575	1.007.762.996.202	1.274.369.066.299	120,2%	98%	196%		247%	
1	Huyện Tam Đường	617.616.000.000	488.574.000.000	129.042.000.000		49.644.000.000	79.398.000.000	729.123.868.138	479.242.491.364	249.881.376.774	1.338.000.000	116.895.975.093	131.647.401.681	118,1%	98%	194%		235%	
2	Huyện Phong Thổ	936.709.000.000	729.277.000.000	207.432.000.000		48.494.000.000	158.938.000.000	1.157.238.487.000	728.494.020.000	428.744.467.000	351.000.000	130.139.000.000	298.254.467.000	123,5%	100%	207%		268%	
3	Huyện Sin Hồ	946.257.000.000	755.253.000.000	191.004.000.000		56.156.000.000	134.848.000.000	1.126.794.862.262	733.423.249.814	393.371.612.448	326.858.000	169.841.644.360	223.203.110.088	119,1%	97%	206%		302%	
4	Huyện Nậm Nhùn	524.597.000.000	349.765.000.000	174.832.000.000		28.936.000.000	145.896.000.000	687.033.792.081	345.697.661.877	341.336.130.204	1.176.764.200	86.899.595.004	253.259.771.000	131,0%	99%	195%		300%	
5	Huyện Mường Tè	744.027.000.000	559.441.000.000	184.586.000.000		34.565.000.000	150.021.000.000	908.516.190.071	549.919.010.226	358.597.179.845	0	133.653.489.176	224.943.690.669	122,1%	98%	194%		387%	
6	Huyện Than Uyên	641.594.000.000	526.191.000.000	115.403.000.000		64.884.000.000	50.519.000.000	745.347.469.879	516.869.739.527	228.477.730.352	256.085.375	148.200.071.237	80.021.573.740	116,2%	98%	198%		228%	
7	Huyện Tân Uyên	499.139.000.000	412.106.000.000	87.033.000.000		64.022.000.000	23.011.000.000	582.219.188.342	405.848.915.109	176.370.273.233	193.000.000	128.166.962.283	48.010.310.950	116,6%	98%	203%		200%	
8	Thành phố Lai Châu	319.142.000.000	245.037.000.000	74.105.000.000		61.953.000.000	12.152.000.000	350.727.341.985	241.732.341.765	108.995.000.220	0	93.966.259.049	15.028.741.171	109,9%	99%	147%		152%	